

**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN  
TOÀN CẦU**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3  
năm 2015

## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	1-4
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	5-6
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7-10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13-39



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015.

### 1. Thông tin chung về tập đoàn

Tập đoàn bao gồm: Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu (công ty mẹ) và các công ty con gồm Công ty TNHH Liên doanh Global – Sitem, Công ty cổ phần IN NO và Công ty TNHH Một thành viên hạ tầng kỹ thuật Toàn Cầu.

#### Công ty mẹ

Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu ("Công ty") (tên giao dịch đối ngoại của Công ty viết tắt là GLT) là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 045928 ngày 4 tháng 11 năm 1996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty đã chuyển loại hình doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301446863 (trước đây là số 4103004205) ngày 28 tháng 12 năm 2005 và thay đổi lần thứ 17 ngày 16 tháng 8 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 69/GCN-SGDHN ngày 18 tháng 11 năm 2009 do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đã cấp cho Công ty với mã chứng khoán: GLT.

Cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch vào ngày 26 tháng 11 năm 2009.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có một chi nhánh được đặt tại nhà số 3, Thông tấn xã Việt Nam, tổ 48, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Mua bán thiết bị điện, điện tử, thiết bị chống sét. Mua bán thiết bị phòng cháy, chữa cháy, thiết bị chống trộm, kiểm tra, bảo vệ, an ninh, an toàn, camera quan sát, thiết bị chiếu sáng, thiết bị điện lạnh, thiết bị điều khiển, thiết bị tự động trong công nghiệp và dân dụng;
- Mua bán thiết bị điện, máy phát điện, máy móc, phụ tùng, thiết bị chế biến gỗ, biến thế điện, máy biến đổi điện tĩnh, pin, accu điện, bộ chỉnh lưu, bộ nguồn cấp điện liên tục UPS, thiết bị điện để đóng ngắt mạch-bảo vệ mạch điện, thiết bị giảm điện trở đất, thiết bị hàn hóa nhiệt, khuôn, các loại máy đo-kiểm tra, dụng cụ hàn hóa chất các loại, thiết bị y tế-phòng thí nghiệm-phòng nghiên cứu, máy móc-thiết bị kỹ thuật công nghệ ngành dầu khí, trang thiết bị dạy học, cung cấp thiết bị cho phòng thí nghiệm, xử lý môi trường;
- Đại lý ký gởi hàng hóa;
- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo trì các sản phẩm do doanh nghiệp bán ra;
- Xây dựng dân dụng;
- Xây dựng công nghiệp, xây lắp trạm và đường dây trung thế, hạ thế từ 35KV trở xuống, xây dựng giao thông, thủy lợi;
- Dịch vụ thiết kế, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì, mua bán thiết bị điện lạnh, thiết bị điều khiển, thiết bị tự động trong công nghiệp và dân dụng. Lắp đặt, sửa chữa, bảo trì, bảo hành nồi hơi, sản phẩm tiết kiệm năng lượng;
- Nghiên cứu chế tạo, sản xuất, lắp ráp thiết bị chống sét, thiết bị điện, điện tử; Sản xuất thiết bị cho phòng thí nghiệm, xử lý môi trường, sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng;
- Mua bán hàng kim khí điện máy, vật liệu xây dựng;
- Mua bán thiết bị tin học, phần mềm, máy in, máy tính;
- Mua bán các sản phẩm cơ khí, các sản phẩm bằng đồng, sắt, thép, cáp điện các loại; Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn nồi hơi, thiết bị hàn, sản phẩm tiết kiệm năng lượng;



## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- Mua bán đồng, sắt, thép;
- Tư vấn, cung cấp, lắp đặt các giải pháp về trung tâm dữ liệu, thông tin;
- Tư vấn giải pháp về tiết kiệm năng lượng;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, mặt bằng, kho bãi, kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Môi giới bất động sản;
- Sản xuất và lắp ráp thiết bị phân phối, điều khiển trung thế và hạ thế từ 35KV trở xuống, nghiên cứu chế tạo, sản xuất accu điện, bộ nguồn cấp điện liên tục UPS;
- Sản xuất hóa chất;
- Sửa chữa accu điện, bộ nguồn cấp điện liên tục UPS;
- Cho thuê thiết bị viễn thông, thiết bị điện, nhà, cột ăng ten, hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống tiếp đất, hệ thống cảnh báo ngoài trời, điều hòa không khí, ổn áp, máy phát điện dự phòng, máy hạ áp, cho thuê nổi hơi;
- Sản xuất thiết bị viễn thông;
- Sản xuất phần mềm tin học;
- Sản xuất nổi hơi (trừ nổi hơi trung tâm);
- Đại lý cung cấp dịch vụ Internet;
- Bán buôn xăng, dầu, than đá, củi trấu và các sản phẩm liên quan (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG);
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan.

### **Các công ty con**

#### **Công ty TNHH Liên doanh Global – Sitem**

Công ty TNHH Liên doanh Global - Sitem ("Công ty") là công ty liên doanh giữa Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu và Công ty TNHH Site preparation management, Atlas CSF Sdn. Bhd., được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000169 ngày 21 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Theo giấy chứng nhận đầu tư, Công ty có trụ sở chính được đặt tại lầu 7 Tòa nhà Waseco, số 10, đường Phổ Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện tại, Công ty có trụ sở chính được đặt tại số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư, hoạt động chính của Công ty là xuất nhập khẩu, mua bán thiết bị dụng cụ, hệ thống điện, thiết bị điện; thiết bị điều khiển tự động công nghiệp - dân dụng; thiết bị viễn thông, tin học, phần mềm, máy in, máy tính; thiết bị phòng cháy, chữa cháy, thiết bị chống trộm, kiểm tra bảo vệ an ninh, an toàn, camera quan sát; thiết bị chiếu sáng, thiết bị xử lý môi trường, thiết bị cho trung tâm dữ liệu, thiết bị điện lạnh, điện lạnh chính xác.

#### **Công ty cổ phần IN NO**

Công ty cổ phần IN NO ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0303655453 ngày 31 tháng 01 năm 2005 và thay đổi lần thứ 9 ngày 16 tháng 10 năm 2014 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có trụ sở chính được đặt tại số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; sản xuất và bán buôn linh kiện điện tử, viễn thông; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; xử lý dữ liệu, cho thuê; sản xuất thiết bị truyền thông; sản xuất pin và ắc quy và thiết bị điện khác; sửa chữa thiết bị điện; sửa chữa máy móc thiết bị; xuất bản phần mềm; tư vấn và cung cấp các giải pháp phần mềm; giáo dục nghề nghiệp; bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2014 đến 31 tháng 3 năm 2015, Công ty chưa có hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU  
Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Công ty TNHH Một thành viên hạ tầng kỹ thuật Toàn Cầu**

Công ty TNHH một thành viên hạ tầng kỹ thuật Toàn Cầu (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0313054589 ngày 16 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có trụ sở chính được đặt tại số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dung hữu hình khác; bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn các sản phẩm cơ khí, các sản phẩm bằng đồng-sắt-thép, cáp điện các loại, trang thiết bị dạy học; sản xuất thiết bị truyền thông; sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; sửa chữa thiết bị khác.

Trong giai đoạn từ khi thành lập (ngày 16 tháng 12 năm 2014) đến ngày 31 tháng 3 năm 2015, Công ty chưa có hoạt động kinh doanh.

**2. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty mẹ**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty mẹ trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Mai Tuấn Tú	Chủ tịch	Ngày 16 tháng 7 năm 2013	Ngày 26 tháng 6 năm 2014
Ông Nguyễn Anh Dũng	Chủ tịch	Ngày 26 tháng 6 năm 2014	Ngày 25 tháng 7 năm 2014
Ông Lâm Thiệu Quân	Chủ tịch	Ngày 25 tháng 7 năm 2014	-
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên	Ngày 16 tháng 7 năm 2013	-
Ông Tạ Huy Phong	Thành viên	Ngày 16 tháng 7 năm 2013	-
Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Thành viên	Ngày 16 tháng 7 năm 2013	-
Bà Nguyễn Hương Giang	Thành viên	Ngày 16 tháng 7 năm 2013	-
Ông Nguyễn Thanh Khiết	Thành viên	Ngày 16 tháng 7 năm 2013	-
Ông Thomas Hermansen	Thành viên	Ngày 25 tháng 7 năm 2014	-

**Ban kiểm soát**

Tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thu Sương	Trưởng ban	Ngày 16 tháng 7 năm 2013	-
Ông Nguyễn Hoàng Vũ	Thành viên	Ngày 27 tháng 11 năm 2013	Ngày 25 tháng 7 năm 2014
Bà Trần Thị Thu Hiền	Thành viên	Ngày 16 tháng 7 năm 2013	-
Ông Hồ Bá Phúc	Thành viên	Ngày 25 tháng 7 năm 2014	Ngày 26 tháng 11 năm 2014
Bà Đỗ Thị Thu Hà	Thành viên	Ngày 26 tháng 11 năm 2014	-

**Ban Giám đốc**

Tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Tổng Giám đốc	Ngày 13 tháng 7 năm 2009	-
Ông Tạ Huy Phong	Giám đốc điều hành	Ngày 1 tháng 10 năm 2007	-
Ông Trương Thái Quảng	Phó Giám đốc	Ngày 1 tháng 6 năm 2011	-
Ông Lê Công Việt	Phó Giám đốc	Ngày 15 tháng 5 năm 2013	-

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### 4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh của Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015.

### 6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu (Công ty mẹ) đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc của Công ty mẹ chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 3 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Tập đoàn. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty mẹ được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc Công ty mẹ cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty mẹ chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 7. Phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**LÂM THIẾU QUẢN**  
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 5 năm 2015

3004  
CỘNG HÒA  
KIỂM  
C VIỆ  
TP.H

Số : 122/2015/BCKTHN-HCM.00581

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý cổ đông**  
**Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu và các công ty con (gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 28 tháng 5 năm 2015, từ trang 7 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty mẹ

Ban Giám đốc Công ty mẹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4.26.1 của Báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015, Công ty đã chia cổ tức của năm tài chính 2013 từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối của năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015 là 4.073.480.925 VND. Điều này dẫn đến lợi nhuận chưa phân phối của năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015 bị giảm một khoản tương ứng là 4.073.480.925 VND.

4899  
G T X  
NHỮ  
TOÁN  
T N A P  
5 CH

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu và các công ty con cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2014 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 3 tháng 6 năm 2014.



**TRANG ĐẮC NHA**

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 5 năm 2015

A blue ink handwritten signature of Diệp Quốc Bình.

**DIỆP QUỐC BÌNH**

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2200-2013-009-1





## CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU

Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>147.828.753.418</b>	<b>149.762.186.838</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>35.731.447.453</b>	<b>25.106.570.692</b>
Tiền	111		23.064.243.678	11.606.570.692
Các khoản tương đương tiền	112		12.667.203.775	13.500.000.000
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	4.2	<b>50.874.575.479</b>	<b>53.608.300.859</b>
Đầu tư ngắn hạn	121		50.874.575.479	53.608.300.859
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>41.034.100.604</b>	<b>48.738.712.708</b>
Phải thu khách hàng	131	4.3	37.518.441.747	45.782.440.232
Trả trước cho người bán	132	4.4	4.562.063.855	1.095.508.411
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	4.5	3.993.285.450	4.850.084.153
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	4.6	(5.039.690.448)	(2.989.320.088)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	4.7	<b>14.038.061.061</b>	<b>15.983.561.448</b>
Hàng tồn kho	141		16.028.761.106	18.081.631.760
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.990.700.045)	(2.098.070.312)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.150.568.821</b>	<b>6.325.041.131</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	1.913.474.554	2.629.623.573
Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.21	1.287.497.208	1.127.250.000
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.9	2.949.597.059	2.568.167.558

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>24.082.185.465</b>	<b>21.877.731.664</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>10.969.860.079</b>	<b>11.556.586.173</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	4.10	1.012.485.079	1.223.461.173
Nguyên giá	222		2.240.560.035	2.177.720.795
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.228.074.956)	(954.259.622)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	4.11	9.957.375.000	10.333.125.000
Nguyên giá	228		11.382.188.000	11.382.188.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.424.813.000)	(1.049.063.000)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	4.12	<b>1.475.863.078</b>	<b>3.385.063.089</b>
Nguyên giá	241		40.069.123.405	40.035.407.440
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(38.593.260.327)	(36.650.344.351)
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	4.13	<b>6.417.392.517</b>	<b>1.247.608.308</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		9.347.944.517	4.178.160.308
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(2.930.552.000)	(2.930.552.000)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.194.206.564</b>	<b>3.326.133.667</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.14	154.325.235	389.162.314
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	4.15	310.112.963	176.210.880
Tài sản dài hạn khác	268	4.16	2.729.768.366	2.760.760.473
<b>Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	4.17	<b>2.024.863.227</b>	<b>2.362.340.427</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>171.910.938.883</b>	<b>171.639.918.502</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU

Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>61.653.865.143</b>	<b>55.540.353.157</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>52.982.350.164</b>	<b>41.517.893.470</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.18	17.279.972.684	4.231.400.000
Phải trả cho người bán	312	4.19	8.499.945.200	16.534.222.505
Người mua trả tiền trước	313	4.20	2.788.042.285	3.492.870.437
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.21	3.960.377.810	5.282.315.090
Phải trả công nhân viên	315		1.919.623.316	-
Chi phí phải trả	316	4.22	2.062.333.819	739.727.454
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.23	12.400.003.250	7.723.915.572
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	4.24	2.131.702.861	1.714.976.347
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		1.940.348.939	1.798.466.065
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>8.671.514.979</b>	<b>14.022.459.687</b>
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.203.794.375	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	564.365.000
Doanh thu chưa thực hiện	338	4.25	7.467.720.604	13.458.094.687
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>105.159.442.281</b>	<b>108.951.674.806</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.26	<b>105.159.442.281</b>	<b>108.951.674.806</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		92.364.460.000	92.364.460.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		6.083.358.132	6.083.358.132
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		(3.190.365.357)	(1.007.355.357)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.841.546.908	2.156.513.283
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		7.060.442.598	9.354.698.748
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	4.27	<b>5.097.631.459</b>	<b>7.147.890.539</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>171.910.938.883</b>	<b>171.639.918.502</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU

Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 3 năm 2015


CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/03/2015	01/04/2014
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại		-	-
USD	4.1	1.491,04	2.694,00
EUR	4.1	1.283,38	194,00
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



PHAN THỊ KIM ANH  
Người lập



PHAN THỊ KIM ANH  
Kế toán trưởng



NGUYỄN HỮU DŨNG  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 5 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU

Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>145,378,984,328</b>	<b>164,375,812,958</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		175,834,000	21,783,180
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	5.1	<b>145,203,150,328</b>	<b>164,354,029,778</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	5.2	<b>88,602,771,630</b>	<b>109,754,978,595</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>56,600,378,698</b>	<b>54,599,051,183</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	5,204,646,785	6,542,917,296
Chi phí tài chính	22	5.4	701,064,475	3,974,876,783
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		480,825,941	600,534,765
Chi phí bán hàng	24		20,056,577,639	14,636,715,876
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13,266,196,330	15,234,679,291
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>27,781,187,039</b>	<b>27,295,696,529</b>
Thu nhập khác	31	5.5	23,404,808	566,333,403
Chi phí khác	32	5.6	241,459,495	35,535,616
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(218,054,687)</b>	<b>530,797,787</b>
<b>Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>45</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>27,563,132,352</b>	<b>27,826,494,316</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.7	6,322,039,983	6,494,400,051
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.8	(133,902,083)	(139,322,182)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>21,374,994,452</b>	<b>21,471,416,447</b>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		3,580,986,624	3,625,632,131
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		17,794,007,828	17,845,784,316
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	5.9	<b>1,939</b>	<b>1,944</b>

*Phan Thị Kim Anh*

PHAN THỊ KIM ANH  
Người lập

*Phan Thị Kim Anh*

PHAN THỊ KIM ANH  
Kế toán trưởng



NGUYỄN HỮU DŨNG  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 5 năm 2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015

	Mã số	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	27.563.132.352	27.826.494.316
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.640.356.252	7.268.465.273
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	659.617.561	4.906.799.654
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	17.158.851	(298.395.982)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.165.167.309)	(6.542.807.477)
Chi phí lãi vay	06	480.825.941	600.534.765
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>26.195.923.648</b>	<b>33.761.090.549</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(15.388.819.149)	(6.607.011.312)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	2.052.870.654	4.679.454.254
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	6.634.628.076	1.343.866.899
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	1.288.463.298	2.102.655.052
Tiền lãi vay đã trả	13	(398.074.127)	(600.534.765)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.368.591.115)	(17.438.130.945)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	889.351.944	270.766.005
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.624.787.087)	(2.192.760.973)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>12.280.966.142</b>	<b>15.319.394.764</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(144.430.147)	(1.472.973.747)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	410.000.000
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(49.867.414.494)	(70.980.001.309)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	57.795.353.323	30.172.653.901
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	31.061.186.970
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.908.721.164	11.822.061.860
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>12.692.229.846</b>	<b>1.012.927.675</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	(2.183.010.000)	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	5.039.091.826	36.478.188.229
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(7.958.519.142)	(35.818.132.417)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.240.902.930)	(55.236.368.340)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(14.343.340.246)</b>	<b>(54.576.312.528)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>10.629.855.742</b>	<b>(38.243.990.089)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	<b>25.106.570.692</b>	<b>63.350.560.781</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(4.978.981)	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>35.731.447.453</b>	<b>25.106.570.692</b>

*Uat*  
PHAN THỊ KIM ANH  
Người lập

*Uat*  
PHAN THỊ KIM ANH  
Kế toán trưởng

*Uat*  
NGUYỄN HỮU DŨNG  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 5 năm 2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015

Bản thuyết minh hợp nhất này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Tập đoàn bao gồm: Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu (công ty mẹ) và các công ty con gồm Công ty TNHH Liên doanh Global – Sitem, Công ty cổ phần IN NO và Công ty TNHH Một thành viên hạ tầng kỹ thuật Toàn Cầu.

#### Công ty mẹ

Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu ("Công ty") (tên giao dịch đối ngoại của Công ty viết tắt là GLT) là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 045928 ngày 4 tháng 11 năm 1996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty đã chuyển loại hình doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301446863 (trước đây là số 4103004205) ngày 28 tháng 12 năm 2005 và thay đổi lần thứ 17 ngày 16 tháng 8 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 69/GCN-SGDHN ngày 18 tháng 11 năm 2009 do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đã cấp cho Công ty với mã chứng khoán: GLT.

Cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch vào ngày 26 tháng 11 năm 2009.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có một chi nhánh được đặt tại nhà số 3, Thông tấn xã Việt Nam, tổ 48, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Mua bán thiết bị điện, điện tử, thiết bị chống sét. Mua bán thiết bị phòng cháy, chữa cháy, thiết bị chống trộm, kiểm tra, bảo vệ, an ninh, an toàn, camera quan sát, thiết bị chiếu sáng, thiết bị điện lạnh, thiết bị điều khiển, thiết bị tự động trong công nghiệp và dân dụng;
- Mua bán thiết bị điện, máy phát điện, máy móc, phụ tùng, thiết bị chế biến gỗ, biến thế điện, máy biến đổi điện tĩnh, pin, accu điện, bộ chỉnh lưu, bộ nguồn cấp điện liên tục UPS, thiết bị điện để đóng ngắt mạch-bảo vệ mạch điện, thiết bị giảm điện trở đất, thiết bị hàn hóa nhiệt, khuôn, các loại máy đo-kiểm tra, dụng cụ hàn hóa chất các loại, thiết bị y tế-phòng thí nghiệm-phòng nghiên cứu, máy móc-thiết bị kỹ thuật công nghệ ngành dầu khí, trang thiết bị dạy học, cung cấp thiết bị cho phòng thí nghiệm, xử lý môi trường;
- Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo trì các sản phẩm do doanh nghiệp bán ra;
- Xây dựng dân dụng;
- Xây dựng công nghiệp, xây lắp trạm và đường dây trung thế, hạ thế từ 35KV trở xuống, xây dựng giao thông, thủy lợi;
- Dịch vụ thiết kế, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì, mua bán thiết bị điện lạnh, thiết bị điều khiển, thiết bị tự động trong công nghiệp và dân dụng. Lắp đặt, sửa chữa, bảo trì, bảo hành nồi hơi, sản phẩm tiết kiệm năng lượng;
- Nghiên cứu chế tạo, sản xuất, lắp ráp thiết bị chống sét, thiết bị điện, điện tử; Sản xuất thiết bị cho phòng thí nghiệm, xử lý môi trường, sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng;
- Mua bán hàng kim khí điện máy, vật liệu xây dựng;
- Mua bán thiết bị tin học, phần mềm, máy in, máy tính;
- Mua bán các sản phẩm cơ khí, các sản phẩm bằng đồng, sắt, thép, cáp điện các loại; Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn nồi hơi, thiết bị hàn, sản phẩm tiết kiệm năng lượng;

## CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU

Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015

- Mua bán đồng, sắt, thép;
- Tư vấn, cung cấp, lắp đặt các giải pháp về trung tâm dữ liệu, thông tin;
- Tư vấn giải pháp về tiết kiệm năng lượng;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, mặt bằng, kho bãi, kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Môi giới bất động sản;
- Sản xuất và lắp ráp thiết bị phân phối, điều khiển trung thế và hạ thế từ 35KV trở xuống, nghiên cứu chế tạo, sản xuất accu điện, bộ nguồn cấp điện liên tục UPS;
- Sản xuất hóa chất;
- Sửa chữa accu điện, bộ nguồn cấp điện liên tục UPS;
- Cho thuê thiết bị viễn thông, thiết bị điện, nhà, cột ăng ten, hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống tiếp đất, hệ thống cảnh báo ngoài trời, điều hòa không khí, ổn áp, máy phát điện dự phòng, máy hạ áp, cho thuê nồi hơi;
- Sản xuất thiết bị viễn thông;
- Sản xuất phần mềm tin học;
- Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm);
- Đại lý cung cấp dịch vụ Internet;
- Bán buôn xăng, dầu, than đá, củi trấu và các sản phẩm liên quan (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG);
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan.

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2015, tổng số nhân viên của Công ty là 93 người (ngày 31 tháng 3 năm 2014 là 95 người).

### Các công ty con

#### Công ty TNHH Liên doanh Global – Sitem

Công ty TNHH Liên doanh Global - Sitem ("Công ty") là công ty liên doanh giữa Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu và Công ty TNHH Site preparation management, Atlas CSF Sdn. Bhd., được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000169 ngày 21 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Theo giấy chứng nhận đầu tư, Công ty có trụ sở chính được đặt tại lầu 7 Tòa nhà Waseco, số 10, đường Phổ Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện tại, Công ty có trụ sở chính được đặt tại số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư, hoạt động chính của Công ty là xuất nhập khẩu, mua bán thiết bị dụng cụ, hệ thống điện, thiết bị điện; thiết bị điều khiển tự động công nghiệp - dân dụng; thiết bị viễn thông, tin học, phần mềm, máy in, máy tính; thiết bị phòng cháy, chữa cháy, thiết bị chống trộm, kiểm tra bảo vệ an ninh, an toàn, camera quan sát; thiết bị chiếu sáng, thiết bị xử lý môi trường, thiết bị cho trung tâm dữ liệu, thiết bị điện lạnh, điện lạnh chính xác.

Tỷ lệ lợi ích/quyền biểu quyết của công ty mẹ là 51%.

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2015, tổng số nhân viên của Công ty là 34 người (ngày 31 tháng 3 năm 2014: 29 người).

#### Công ty cổ phần IN NO

Công ty cổ phần IN NO ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0303655453 ngày 31 tháng 01 năm 2005 và thay đổi lần thứ 9 ngày 16 tháng 10 năm 2014 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có trụ sở chính được đặt tại số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU

Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; sản xuất và bán buôn linh kiện điện tử, viễn thông; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; xử lý dữ liệu, cho thuê; sản xuất thiết bị truyền thông; sản xuất pin và ắc quy và thiết bị điện khác; sửa chữa thiết bị điện; sửa chữa máy móc thiết bị; xuất bản phần mềm; tư vấn và cung cấp các giải pháp phần mềm; giáo dục nghề nghiệp; bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2014 đến 31 tháng 3 năm 2015, Công ty chưa có hoạt động kinh doanh.

Tỷ lệ lợi ích/quyền biểu quyết của công ty mẹ là 99,96%.

Số nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2015 và vào ngày 31 tháng 3 năm 2014 là 01 người.

### Công ty TNHH Một thành viên hạ tầng kỹ thuật Toàn Cầu

Công ty TNHH một thành viên hạ tầng kỹ thuật Toàn Cầu ("Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0313054589 ngày 16 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có trụ sở chính được đặt tại số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dung hữu hình khác; bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn các sản phẩm cơ khí, các sản phẩm bằng đồng-sắt-thép, cáp điện các loại, trang thiết bị dạy học; sản xuất thiết bị truyền thông; sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; sửa chữa thiết bị khác.

Trong giai đoạn từ khi thành lập (ngày 16 tháng 12 năm 2014) đến ngày 31 tháng 3 năm 2015, Công ty chưa có hoạt động kinh doanh.

Tỷ lệ lợi ích/quyền biểu quyết của công ty mẹ là 100%.

Số nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2015 là 01 người.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 và kết thúc vào ngày 31 tháng 3 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là VND.

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu (công ty mẹ) (gọi tắt là "Công ty") và các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được các lợi ích kinh tế từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cùng kỳ báo cáo tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Tập đoàn. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Các công ty con được hợp nhất hoàn toàn kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn nắm quyền kiểm soát công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó. Nếu sau đó công ty con có lãi, khoản lãi đó sẽ được phân bổ vào lợi ích của Tập đoàn cho tới khi phần lỗ trước đây do Tập đoàn gánh chịu được bồi hoàn đầy đủ.

#### 3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.3 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối kỳ tài chính, số dư các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc là đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày này.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015

### 3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.5 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bao gồm các khoản đầu tư ngắn hạn và các khoản đầu tư dài hạn, được thể hiện bằng giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc hoặc nếu Tập đoàn nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối kỳ tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015

Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, theo thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 năm
Máy móc thiết bị	2 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Dụng cụ quản lý	2 - 6 năm

### 3.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

#### *Quyền sử dụng đất*

Nguyên giá quyền sử dụng đất phản ánh tiền thuê đất trả trước liên quan đến việc sử dụng đất thuê đối với diện tích đất thuê 5.000 m<sup>2</sup> đã có Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp. Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 30 năm.

#### *Phần mềm*

Giá mua của phần mềm mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

### 3.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm các nhà trạm thu phát sóng được nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư là các trạm thu phát sóng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 5 - 6 năm.

### 3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm thiết bị, công cụ dụng cụ, khoản trả trước tiền thuê đất trạm BTS, tiền thuê của trạm và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng 1 năm.

Chi phí trả trước dài hạn là các khoản trả trước tiền bảo trì bảo dưỡng trạm BTS, chi phí sửa chữa văn phòng và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động kinh doanh từ trên 1 năm đến 3 năm.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015

### 3.11 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại các Công ty con. Lợi thế thương mại được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được xác định bằng khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần có thể xác định được của Công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

### 3.12 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

### 3.13 Dự phòng phải trả ngắn hạn

Một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

Dự phòng phải trả ngắn hạn bao gồm các khoản dự phòng bảo hành mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải thực hiện theo các Hợp đồng bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, và khoản dự phòng phải trả khác.

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm được trích lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp có cam kết bảo hành. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Tập đoàn được ước tính bằng 0,35% đến 5% doanh thu. Các khoản dự phòng phải trả được xem xét và điều chỉnh lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 3.14 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong kỳ được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

### 3.15 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 18% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương căn bản vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương căn bản vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

## 3.1 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị ước tính các khoản chi phí đã phát sinh và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015

### 3.2 Trợ cấp thôi việc

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Tập đoàn từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng nửa tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của 6 tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Tập đoàn phải đóng bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Tập đoàn không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

### 3.3 Doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### *Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia:*

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 3.4 Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Những ưu đãi thuê được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một phần không thể tách rời trong tổng chi phí thuê.

### 3.5 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

03C  
489  
TRÁCH T  
KIỂM HƯ  
AFC VOÁ  
NAI  
- TP  
CH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 25% trên thu nhập tính thuế trước ngày 01 tháng 01 năm 2014.

Theo thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành, Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 22% trên thu nhập tính thuế kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của Báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

### 3.6 Công cụ tài chính

#### *Tài sản tài chính*

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính bao gồm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tập đoàn phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm: tiền, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản ký quỹ.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính bao gồm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Tập đoàn phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm: các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

0448  
ÔNG  
HIỆM  
M T  
IẾT N  
HỒ C

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015

*Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Tập đoàn có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

### 3.7 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động.

Trong năm tài chính này, các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan :

<b>Công ty</b>	<b>Quan hệ</b>
Công ty cổ phần Công nghệ Tiên Phong	Công ty mẹ
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	Công ty cùng tập đoàn
Công ty cổ phần Công nghệ Tín Thông	Công ty cùng tập đoàn
Công ty cổ phần Tin học Siêu Tinh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	Công ty cùng tập đoàn
Site Preparation Co., Ltd.	Nhà đầu tư
Atlas CSF SDN. BHD	Nhà đầu tư
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc	Thành viên chủ chốt

## 4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	<b>31/03/2015</b>	<b>01/04/2014</b>
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ	145.435.345	312.041.540
- VND	145.048.165	312.041.540
- USD	(1) 387.180	-
Tiền gửi ngân hàng	19.866.728.333	11.294.529.152
- VND	19.805.602.696	11.232.087.147
- USD	(2) 31.732.457	56.830.746
- EUR	(2) 29.393.180	5.611.259
Tiền đang chuyển	(3) 3.052.080.000	-
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	12.667.203.775	13.500.000.000
	<b>35.731.447.453</b>	<b>25.106.570.692</b>

(1) Vào ngày 31 tháng 3 năm 2015, số dư tiền mặt tại quỹ có gốc ngoại tệ là 18,00 USD tương đương 387.180 VND.

(2) Vào ngày 31 tháng 3 năm 2015, chi tiết số dư các khoản tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ:

	Nguyên tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng – USD	1.473,04	31.345.277
Tiền gửi ngân hàng – EUR	1.283,38	29.393.180
		<b>60.738.457</b>

(3) Đây là khoản tiền Công ty đã chuyển cho Công ty chứng khoán Ngân hàng Đông Á để mua 156.600 cổ phiếu quỹ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015

**4.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm	50.874.575.479	53.288.300.859
Các khoản cho vay	-	320.000.000
	<u>50.874.575.479</u>	<u>53.608.300.859</u>

**4.3 Phải thu khách hàng**

	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Phải thu thương mại – bên liên quan	645.127.036	576.618.280
Phải thu thương mại – bên thứ ba	36.873.314.711	45.205.821.952
	<u>37.518.441.747</u>	<u>45.782.440.232</u>

**4.4 Trả trước cho người bán**

	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Trả trước cho người bán – bên thứ ba	4.562.063.855	1.095.508.411
	<u>4.562.063.855</u>	<u>1.095.508.411</u>

**4.5 Phải thu khác**

	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Phải thu lãi cho vay, lãi tiền gửi tiết kiệm	3.421.979.923	4.391.107.394
Phải thu phí tiện ích	3.933.050	53.233.021
Phải thu khác	567.372.477	405.743.738
	<u>3.993.285.450</u>	<u>4.850.084.153</u>

**4.6 Dự phòng các khoản phải thu khó đòi**

Biến động dự phòng các khoản phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014 VND
Số dư đầu năm	2.989.320.088	1.024.879.870
Dự phòng tăng trong năm	2.065.866.720	2.159.473.023
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(15.496.360)	(195.032.805)
<b>Số dư cuối năm</b>	<u>5.039.690.448</u>	<u>2.989.320.088</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU  
Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015

**4.7 Hàng tồn kho**

	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Hàng mua đang đi đường	377.684.665	-
Nguyên vật liệu	2.083.707.114	2.167.120.706
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.173.751.011	5.648.412.242
Thành phẩm	140.604.779	400.920.066
Hàng hóa	11.196.976.137	9.865.178.746
Hàng gửi bán	56.037.400	-
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>16.028.761.106</b>	<b>18.081.631.760</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(1.990.700.045)	(2.098.070.312)
<b>Giá trị thuần</b>	<b>14.038.061.061</b>	<b>15.983.561.448</b>

(\*) Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	Từ 01/04/2014 đến 30/03/2015 VND	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014 VND
Số dư đầu năm	2.098.070.312	2.086.262.876
Dự phòng tăng trong năm	186.302.194	11.807.436
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(293.672.461)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.990.700.045</b>	<b>2.098.070.312</b>

**4.8 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Công cụ dụng cụ	229.583.905	353.215.142
Thuê đất trạm thu phát sóng	1.683.890.649	1.702.833.431
Chi phí khác	-	573.575.000
	<b>1.913.474.554</b>	<b>2.629.623.573</b>

**4.9 Tài sản ngắn hạn khác**

	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Tạm ứng	2.863.597.059	2.173.423.135
Ký quỹ, đặt cọc ngắn hạn khác	86.000.000	394.744.423
	<b>2.949.597.059</b>	<b>2.568.167.558</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU  
 Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015

**4.10 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Vào ngày 01/04/2014	233.238.338	76.065.586	1.692.338.154	176.078.717	2.177.720.795
Mua sắm trong năm	-	31.600.000	-	31.239.240	62.839.240
Xây dựng trong năm	-	-	-	-	-
Vào ngày 31/03/2015	233.238.338	107.665.586	1.692.338.154	207.317.957	2.240.560.035
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Vào ngày 01/04/2014	66.317.647	56.402.037	674.348.507	157.191.431	954.259.622
Khấu hao trong năm	38.873.076	16.245.347	197.853.792	20.843.119	273.815.334
Vào ngày 31/03/2015	105.190.723	72.647.384	872.202.299	178.034.550	1.228.074.956
<b>Giá trị còn lại</b>					
Vào ngày 01/04/2014	166.920.691	19.663.549	1.017.989.647	18.887.286	1.223.461.173
Vào ngày 31/03/2015	128.047.615	35.018.202	820.135.855	29.283.407	1.012.485.079

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng:

Vào ngày 01/04/2014	537.957.227 VND
Vào ngày 31/03/2015	623.023.894 VND

**4.11 Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Vào ngày 01/04/2014	11.272.500.000	109.688.000	11.382.188.000
Mua sắm trong năm	-	-	-
Vào ngày 31/03/2015	11.272.500.000	109.688.000	11.382.188.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Vào ngày 01/04/2014	939.375.000	109.688.000	1.049.063.000
Khấu hao trong năm	375.750.000	-	375.750.000
Vào ngày 31/03/2015	1.315.125.000	109.688.000	1.424.813.000
<b>Giá trị còn lại</b>			
Vào ngày 01/04/2014	10.333.125.000	-	10.333.125.000
Vào ngày 31/03/2015	9.957.375.000	-	9.957.375.000

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng:

Vào ngày 01/04/2014	109.688.000 VND
Vào ngày 31/03/2015	109.688.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU  
Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015

**4.12 Bất động sản đầu tư**

	Trạm thu phát sóng VND
<b>Nguyên giá</b>	
Vào ngày 01/04/2014	40.035.407.440
Mua sắm trong năm	81.590.907
Thanh lý trong năm	(47.874.942)
Vào ngày 31/03/2015	<b>40.069.123.405</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Vào ngày 01/04/2014	36.650.344.351
Khấu hao trong năm	1.990.790.918
Thanh lý trong năm	(47.874.942)
Vào ngày 31/03/2015	<b>38.593.260.327</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Vào ngày 01/04/2014	3.385.063.089
Vào ngày 31/03/2015	<b>1.475.863.078</b>

Nguyên giá của bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng:

Vào ngày 01/04/2014	10.940.863.016 VND
Vào ngày 31/03/2015	36.580.617.219 VND

**4.13 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 1 năm	729.892.517	1.247.608.308
Góp vốn vào Công ty TNHH Hanel - CSF (1)	1.831.595.000	1.831.595.000
Cho vay-Công ty TNHH Hanel – CSF (2)	1.098.957.000	1.098.957.000
Cho vay - Công ty cổ phần công nghệ Tiên Phong (3)	5.687.500.000	
	<b>9.347.944.517</b>	<b>4.178.160.308</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (4)	(2.930.552.000)	(2.930.552.000)
<b>Giá trị đầu tư dài hạn thuần</b>	<b>6.417.392.517</b>	<b>1.247.608.308</b>

- (1) Khoản góp vốn đầu tư vào công ty TNHH Hanel – CSF là 100.000 USD tương đương 1.831.595.000 VND, chiếm tỷ lệ sở hữu là 10%.
- (2) Khoản cho vay cung cấp cho Công ty TNHH Hanel – CSF với lãi suất 16,8%/năm trong 3 năm kể từ tháng 3 năm 2011 nhưng đến nay công ty TNHH Hanel – CSF chưa hoàn trả được do hoạt động kinh doanh bị lỗ quá số vốn góp của chủ sở hữu.
- (3) Khoản cho vay cung cấp cho Công ty cổ phần công nghệ Tiên Phong với lãi suất 10%/năm trong 2 năm kể từ ngày 9 tháng 12 năm 2014, khoản vay được đảm bảo bằng cầm cố cổ phiếu của Công ty cổ phần công nghệ Tân Tiến (725.496 cổ phiếu) và của Công ty cổ phần tin học Siêu Tinh (819.388 cổ phiếu).

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU  
Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015

(4) Tình hình biến động dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ tài chính như sau:

	Số dư đầu năm	Dự phòng tăng trong năm	Hoàn nhập dự phòng trong năm	Số dư cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Góp vốn vào Công ty TNHH Hanel - CSF	1.831.595.000	-	-	1.831.595.000
Cho vay - Công ty TNHH Hanel - CSF	1.098.957.000	-	-	1.098.957.000
	<b>2.930.552.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.930.552.000</b>

**4.14 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	73.698.356
Chi phí bảo trì, bảo dưỡng trạm thu phát sóng	154.325.235	315.463.958
	<b>154.325.235</b>	<b>389.162.314</b>

**4.15 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	264.834.763	130.932.680
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	45.278.200	45.278.200
	<b>310.112.963</b>	<b>176.210.880</b>

**4.16 Tài sản dài hạn khác**

	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Đặt cọc thuê đất trạm	2.062.650.000	2.066.850.000
Ký quỹ thuê văn phòng, thuê kho	392.178.245	404.282.785
Ký quỹ bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh bảo hành	274.940.121	289.627.688
	<b>2.729.768.366</b>	<b>2.760.760.473</b>

**4.17 Lợi thế thương mại**

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014 VND
Số dư đầu năm	2.362.340.427	2.699.817.627
Phân bổ trong năm	(337.477.200)	(337.477.200)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.024.863.227</b>	<b>2.362.340.427</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU  
Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015

**4.18 Vay ngắn hạn**

	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Vay ngân hàng BIDV chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 8,5%/năm.	2.468.874.207	-
Vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, kỳ hạn từ 1 đến 7 tháng, lãi suất 7%/năm	5.019.672.477	-
Vay ngắn hạn - Công ty Atlas CSF SDN BHD với lãi suất 7%/ năm	3.520.000.000	-
Vay ngắn hạn - Công ty Site Preparation Management với lãi suất 7%/ năm	5.104.000.000	-
Khoản vay từ các cá nhân không phải đảm bảo và chịu lãi suất từ 0,83% đến 1%/ tháng	1.167.426.000	4.231.400.000
	<b>17.279.972.684</b>	<b>4.231.400.000</b>

(\*) Vay ngắn hạn ngân hàng được đảm bảo bằng việc thế chấp hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng.

**4.19 Phải trả người bán**

	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Phải trả người bán – bên liên quan	633.782.233	502.152.028
Phải trả người bán – bên thứ ba	7.866.162.967	16.032.070.477
	<b>8.499.945.200</b>	<b>16.534.222.505</b>

**4.20 Người mua trả tiền trước**

	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Người mua trả tiền trước – bên liên quan	152.430.000	-
Người mua trả tiền trước – bên thứ ba	2.635.612.285	3.492.870.437
	<b>2.788.042.285</b>	<b>3.492.870.437</b>

**4.21 Thuế**

**Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ**

	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Thuế GTGT được khấu trừ	1.287.497.208	1.127.250.000
	<b>1.287.497.208</b>	<b>1.127.250.000</b>

**Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Thuế GTGT đầu ra	553.049.824	715.121.346
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.321.994.936	4.368.546.068
Thuế thu nhập cá nhân	85.073.050	198.567.676
Thuế khác	260.000	80.000
	<b>3.960.377.810</b>	<b>5.282.315.090</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU  
 Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015

**4.22 Chi phí phải trả**

	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Chi phí thi công, lắp đặt	2.062.333.819	739.727.454
	<b>2.062.333.819</b>	<b>739.727.454</b>

**4.23 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	11.145.303.470	5.432.814.400
Phải trả lãi vay bên thứ ba	26.830.222	-
Phải trả bảo hiểm xã hội	80.387.000	-
Khoản vay các bên liên quan	-	780.105.858
Quỹ phúc lợi phải trả Công ty cổ phần công nghệ Tiên Phong	176.430.000	283.987.600
Tiền thuê đất, thuê nhà - các bên liên quan	79.217.272	77.783.333
Phí tiện ích – các bên liên quan	42.272.032	12.565.691
Phải trả khác	849.563.254	1.136.658.690
	<b>12.400.003.250</b>	<b>7.723.915.572</b>

**4.24 Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Phí bảo hành sản phẩm	1.503.111.974	1.714.976.347
Phải trả khác	628.590.887	-
	<b>2.238.307.032</b>	<b>1.714.976.347</b>

**4.25 Doanh thu chưa thực hiện**

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2015, doanh thu chưa thực hiện là khoản thu trước tiền cho thuê trạm thu phát sóng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU  
Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015

**4.26 Vốn chủ sở hữu (“CSH”)**

**4.26.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng vốn chủ sở hữu VND
<b>Số dư tại ngày 01/04/2013</b>	92.364.460.000	6.083.358.132	(1.007.355.357)	2.421.132.831	49.635.248.261	149.496.843.867
Lãi trong năm	-	-	-	-	17.845.784.316	17.845.784.316
Trích lập quỹ	-	-	-	31.186.209	(1.223.998.629)	(1.192.812.420)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(56.902.335.200)	(56.902.335.200)
Chi nộp phạt và bổ sung thuế các năm trước	-	-	-	(295.805.757)	-	(295.805.757)
<b>Số dư tại ngày 31/03/2014</b>	92.364.460.000	6.083.358.132	(1.007.355.357)	2.156.513.283	9.354.698.748	108.951.674.806
<b>Số dư tại ngày 01/04/2014</b>	92.364.460.000	6.083.358.132	(1.007.355.357)	2.156.513.283	9.354.698.748	108.951.674.806
Mua cổ phiếu quỹ trong năm	-	-	(2.183.010.000)	-	-	(2.183.010.000)
Lãi trong năm	-	-	-	-	17.794.007.829	17.794.007.829
Trích lập quỹ	-	-	-	962.628.000	(2.296.342.468)	(1.333.714.468)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(18.089.392.000)	(18.089.392.000)
Chi nộp phạt và bổ sung thuế các năm trước	-	-	-	(277.594.375)	-	(277.594.375)
Tặng khác	-	-	-	-	297.470.489	297.470.489
<b>Số dư tại ngày 31/03/2015</b>	92.364.460.000	6.083.358.132	(3.190.365.357)	2.841.546.908	7.060.442.598	105.159.442.281

(\*) Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015, Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu (công ty mẹ) chia cổ tức đợt cuối của năm tài chính 2013 là 10% vốn điều lệ, bao gồm 5.104.315.075 VND từ số dư lợi nhuận chưa phân phối của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 và 4.073.480.925 VND từ lợi nhuận chưa phân phối của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301446863 thay đổi lần thứ 17 ngày 16 tháng 8 năm 2014 của Công ty mẹ, vốn điều lệ là 92.364.460.000. Chi tiết như sau:

Cổ đông	Ngày 31/03/2015		Ngày 31/03/2014	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Công ty cổ phần công nghệ Tiên Phong	43.588.490.000	47,19%	44.057.490.000	47,70%
Công ty cổ phần Đầu tư Tánh Linh	16.470.000.000	17,83%	16.470.000.000	17,83%
America LLC	5.591.800.000	6,05%	-	-
Các cổ đông khác	25.031.670.000	27,10%	31.250.470.000	33,84%
Cổ phiếu quỹ (theo mệnh giá)	1.682.500.000	1,82%	586.500.000	0,63%
	<b>92.364.460.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>92.364.460.000</b>	<b>100,00%</b>



**4.26.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức của Công ty mẹ**

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2014 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu năm	92.364.460.000	92.364.460.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp (giảm) trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	92.364.460.000	92.364.460.000
Trừ : Cổ phiếu quỹ (theo mệnh giá)	(1.682.500.000)	(586.500.000)
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu (cổ phiếu đang lưu hành)</b>	<b>90.681.960.000</b>	<b>91.777.960.000</b>
<b>Cổ tức đã chia</b>	18.089.392.000	56.902.335.200
Trong đó :		
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-
- Chia cổ tức bằng tiền	18.089.392.000	56.902.335.200

**4.26.3 Cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ**

	31/03/2015	01/04/2014
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	9.236.446	9.236.446
Số lượng cổ phiếu đã phát hành trong năm	9.236.446	9.236.446
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(168.250)	(58.650)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.068.196	9.177.796
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng	10.000 đồng

**4.27 Lợi ích của cổ đông thiểu số**

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2014 VND
Số dư đầu năm	7.147.890.539	6.009.916.398
Lãi thuần trong năm	3.580.986.624	3.625.632.131
Cổ tức được chia	(5.488.000.000)	(2.352.000.000)
Trích lập các quỹ	(143.245.704)	(135.657.990)
Số dư cuối năm	<b>5.097.631.459</b>	<b>7.147.890.539</b>

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**5.1 Doanh thu**

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2014 VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	114.629.435.506	134.516.317.799
Doanh thu cho thuê trạm thu phát sóng	30.749.548.822	29.859.495.159
	<b>145.378.984.328</b>	<b>164.375.812.958</b>
Trừ: Hàng bán bị trả lại	(175.834.000)	(21.783.180)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>145.203.150.328</b>	<b>164.354.029.778</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU  
 Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015

**5.2 Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014 VND
Giá vốn bán hàng, cung cấp dịch vụ	75.044.462.423	91.694.432.379
Giá vốn cho thuê trạm thu phát sóng	13.558.309.207	18.060.546.216
	<b>88.602.771.630</b>	<b>109.754.978.595</b>

**5.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.708.479.418	6.002.831.614
Lãi cho vay	456.687.891	539.975.863
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	39.479.476	109.819
	<b>5.204.646.785</b>	<b>6.542.917.296</b>

**5.4 Chi phí tài chính**

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014 VND
Lãi vay	480.825.941	600.534.765
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	2.930.552.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	203.079.683	435.352.235
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	17.158.851	-
Chi phí tài chính khác	-	8.437.783
	<b>701.064.475</b>	<b>3.974.876.783</b>

**5.5 Thu nhập khác**

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014 VND
Thu phạt vi phạm hợp đồng, bồi thường	19.742.421	163.436.094
Thanh lý tài sản cố định và công cụ dụng cụ	-	300.000.000
Thu nhập khác	3.662.387	102.897.309
	<b>23.404.808</b>	<b>566.333.403</b>

**5.6 Chi phí khác**

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014 VND
Phạt vi phạm hợp đồng và phạt khác	78.077.000	19.149.608
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	-	1.604.018
Chi phí khác	163.382.495	14.781.990
	<b>241.459.495</b>	<b>35.535.616</b>

**5.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành**

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2014 VND
Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	26.763.922.597	27.826.494.316
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(4.076.854.422)	(1.848.894.112)
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>22.687.068.175</b>	<b>25.977.600.204</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>6.322.039.983</b>	<b>6.494.400.051</b>

Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) theo cơ quan thuế sẽ được doanh nghiệp điều chỉnh ngay khi phát sinh.

**5.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản:		
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	45.278.200
- Dự phòng bảo hành phải trả	-	(36.888.698)
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	133.902.083	130.932.680
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>133.902.083</b>	<b>139.322.182</b>

**5.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2014 VND
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	VND 17.794.007.828	17.845.784.316
Cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ đang lưu hành bình quân trong năm	CP 9.177.108	9.177.796
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>VND/CP 1.939</b>	<b>1.944</b>

**5.10 Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2014 VND
Hàng hóa xuất bán	52.596.784.729	85.090.801.980
Chi phí nguyên vật liệu	8.566.841.012	13.114.221.554
Chi phí nhân công	21.541.587.672	18.462.753.231
Chi phí công cụ, dụng cụ	238.150.400	441.803.230
Chi phí khấu hao	2.640.356.252	7.268.465.273
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.103.831.811	5.576.811.920
Chi phí bằng tiền khác	6.940.805.481	5.473.815.514
	<b>117.628.357.357</b>	<b>135.428.672.702</b>

## 6. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tập đoàn chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

### i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ và rủi ro về giá khác.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và dài hạn, các khoản cho vay ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Tập đoàn có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, chủ yếu bằng VND, và ngoài ra, bằng Đô la Mỹ (USD) và EUR. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là VND và USD.

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2015, Tập đoàn có các khoản tài sản/nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.491,04	1.283,38
Phải trả người bán	142.462,76	3.446,83
	<u>143.953,80</u>	<u>4.730,21</u>

### ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

#### *Phải thu khách hàng*

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

*Tiền gửi ngân hàng*

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4.1. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm giá trị ngoại trừ các khoản phải thu được trình bày tại thuyết minh số 4.6.

**iii. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Ngày 31 tháng 3 năm 2015</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	17.279.972.684	-	17.279.972.684
Phải trả người bán	8.499.945.200	-	8.499.945.200
Chi phí phải trả	2.062.333.819	-	2.062.333.819
Các khoản phải trả, phải nộp khác	997.882.780	-	997.882.780
Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.503.111.974	-	1.503.111.974
	<b>30.343.246.457</b>	-	<b>30.343.246.457</b>
<b>Ngày 31 tháng 3 năm 2014</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	4.231.400.000	-	4.231.400.000
Phải trả người bán	16.534.222.505	-	16.534.222.505
Chi phí phải trả	739.727.454	-	739.727.454
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.094.824.685	-	7.094.824.685
Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.714.976.347	-	1.714.976.347
	<b>30.315.150.991</b>	-	<b>30.315.150.991</b>

Tập đoàn cho rằng Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

**Tài sản đảm bảo**

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2015:

- Tập đoàn có thể chấp hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn cho ngân hàng để bảo đảm cho khoản vay và bảo lãnh việc bảo hành sản phẩm của Công ty; và
- Tập đoàn có nắm giữ cổ phiếu cầm cố để cho Công ty cổ phần Tiên Phong vay như trình bày tại mục 2 của Thuyết minh 4.13.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU  
Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015

**iv. Giá trị hợp lý**

**(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/03/2015 VND	31/03/2014 VND	31/03/2015 VND	31/03/2014 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Phải thu khách hàng	37.518.441.747	45.782.440.232	37.518.441.747	45.782.440.232
Các khoản phải thu khác	3.571.725.545	4.850.084.153	3.571.725.545	4.850.084.153
Các khoản kỳ quỹ ngắn hạn và dài hạn	2.609.958.366	5.328.928.031	2.609.958.366	5.328.928.031
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.731.447.453	25.106.570.692	35.731.447.453	25.106.570.692
Các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn	57.291.967.996	57.786.461.167	57.291.967.996	57.786.461.167
<b>Tổng cộng</b>	<b>136.723.541.107</b>	<b>138.854.484.275</b>	<b>136.723.541.107</b>	<b>138.854.484.275</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ ngắn hạn	17.279.972.684	4.231.400.000	17.279.972.684	4.231.400.000
Phải trả người bán	8.499.945.200	16.534.222.505	8.499.945.200	16.534.222.505
Chi phí phải trả	2.062.333.819	739.727.454	2.062.333.819	739.727.454
Các khoản phải trả, phải nộp khác	997.882.780	7.094.824.685	997.882.780	7.094.824.685
Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.503.111.974	1.714.976.347	1.503.111.974	1.714.976.347
<b>Tổng cộng</b>	<b>30.343.246.457</b>	<b>30.315.150.991</b>	<b>30.343.246.457</b>	<b>30.315.150.991</b>

Công ty chưa đánh giá lại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý do thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Vào ngày 31 tháng 3 năm 2015 và ngày 31 tháng 3 năm 2014, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương ứng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này. Ban Giám đốc cho rằng giá trị hợp lý của những tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

**7. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**7.1. Cam kết thuê hoạt động**

Tập đoàn có các hợp đồng thuê hoạt động bao gồm: thuê đất và nhà làm trạm thu phát sóng, thuê văn phòng và thuê kho.

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2015, tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả hàng năm trong tương lai cho hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Số tiền thuê VND
Trong vòng 1 năm	3.565.751.708
Trên 1 năm đến 5 năm	5.034.415.361
Trên 5 năm	-
	<b>8.600.167.069</b>

**7.2. Báo cáo bộ phận**

Tập đoàn chưa theo dõi kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và nợ phải trả theo bộ phận được phân loại theo lĩnh vực kinh doanh hay theo khu vực địa lý.

**7.3. Các giao dịch chủ yếu với các bên có liên quan**

**Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc**

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015, Công ty có các giao dịch chủ yếu với Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014 VND
Hội đồng Quản trị	Tạm ứng	214.219.327	76.834.132
	Mượn tiền	-	(1.397.000.000)
	Mua tài sản thanh lý	-	(200.000.000)
Ban Giám đốc	Tạm ứng	398.805.000	166.990.384
	Mượn tiền	(286.932.000)	(110.000.000)
	Mua tài sản thanh lý	-	(1.880.450.000)

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2015, số dư các khoản phải thu/(phải trả) của các giao dịch chủ yếu với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Hội đồng quản trị	Phải thu phi thương mại	157.000.000	123.633.039
Ban Giám đốc	Phải thu phi thương mại	11.279.825	9.000.000
	Phải trả phi thương mại	-	(610.450.000)

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015, thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc như sau :

	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014 VND
Lương, thưởng và thu nhập khác	3.417.910.882	3.513.048.778

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Công ty liên quan	Mối quan hệ Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014 VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	Công ty mẹ		
	Bán hàng hóa và dịch vụ	680.553.626	210.605.300
	Thuê kho, thuê văn phòng và chi phí quản trị mạng	(1.915.393.868)	(2.263.450.498)
	Phải trả phi nhượng quyền và chi phí tiện ích khác	(1.407.955.000)	(1.292.055.000)
	Phải trả chi phí tiện ích	(798.670.708)	(478.712.551)
	Phải thu chi phí tiện ích	19.875.500	17.779.107
	Cho vay	8.050.000.000	3.320.000.000
	Lãi cho vay	134.668.141	471.104.667
	Đi vay	-	(800.000.000)
	Lãi đi vay	-	(5.810.000)
	Cho mượn tiền/(Mượn tiền)	(30.000.000)	350.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU  
Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015

Công ty liên quan	Mối quan hệ Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015 VND	Từ 01/04/2013 đến 31/03/2014 VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	Chia cổ tức Phải trả quỹ khen thưởng phúc lợi	(4.268.549.000) (537.500.000)	(25.933.143.802) (624.870.200)
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh	Công ty cùng tập đoàn Bán hàng hóa và dịch vụ Mua hàng hóa và dịch vụ Phải thu phí tiện ích Phải trả phí tiện ích Cho vay Lãi cho vay	1.320.753.947 (38.315.186) 14.527.631 (16.630.693) - -	102.445.611 (1.413.114.081) 43.867.010 (16.340.000) 600.000.000 22.715.000
Công ty TNHH MTV kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	Công ty cùng tập đoàn Bán hàng hóa và dịch vụ Phải thu phí tiện ích Cho vay Lãi cho vay	544.550.380 12.736.469 8.000.000.000 247.320.000	713.313.800 28.313.140 - -
Công ty cổ phần công nghệ Tin Thông	Công ty cùng tập đoàn Bán hàng hóa và dịch vụ Mua hàng hóa và dịch vụ Phải thu phí tiện ích Phải trả phí tiện ích	9.258.880 (1.648.000) 7.945.652 (3.000.000)	891.529.548 (356.403.380) 25.634.427 (18.587.500)
Công ty cổ phần Tin học Siêu Tính	Công ty cùng tập đoàn Phải thu phí tiện ích Phải trả phí tiện ích Cho vay Lãi cho vay	8.651.975 - 900.000.000 2.311.467	24.749.113 (10.288.000) - -
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến	Công ty cùng tập đoàn Bán hàng hóa và dịch vụ Phải thu phí tiện ích Phải trả phí tiện ích Cho vay Lãi cho vay	148.500.000 13.295.252 (330.000) 1.600.000.000 72.388.283	502.294.000 43.724.127 (5.702.000) - -
Site Preparation Management Co., Ltd.	Công ty cùng tập đoàn Mua hàng hóa và dịch vụ Cổ tức công bố Vay tiền Chi phí lãi vay	- (3.248.000.000) (5.104.000.000) (15.879.111)	(53.937.000) (1.392.000.000) - -
Atlas CSF SDN. BHD	Công ty cùng tập đoàn Mua hàng hóa và dịch vụ Cổ tức công bố Vay tiền Chi phí lãi vay	- (2.240.000.000) (3.520.000.000) (10.951.111)	(69.251.064) (960.000.000) - -



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU  
 Số 1, đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2015, số dư các khoản phải thu/(phải trả) của Tập đoàn với các bên có liên quan như sau:

Công ty liên quan	Mối quan hệ Nội dung nghiệp vụ	31/03/2015 VND	01/04/2014 VND
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	Công ty mẹ Phải thu thương mại Phải thu phi thương mại Phải trả thương mại Phải trả phi thương mại	32.079.300 5.742.439.994 (54.953.433) (5.142.269.354)	- 402.805.292 (64.040.965) (729.375.061)
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh	Công ty cùng tập đoàn Phải thu thương mại Phải thu phi thương mại Phải trả thương mại	613.047.734 - -	- 11.766.799 (49.038.963)
Công ty TNHH MTV kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	Công ty cùng tập đoàn Phải thu thương mại Phải thu phi thương mại	- -	431.760.780 18.120.576
Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông	Công ty cùng tập đoàn Phải thu phi thương mại Phải trả phi thương mại	- -	6.563.039 (165.000)
Công ty cổ phần Tin học Siêu Tính	Công ty cùng tập đoàn Phải thu phi thương mại Phải trả phi thương mại	- (3.027.750)	6.628.908 -
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến	Công ty cùng tập đoàn Phải thu phi thương mại Phải trả phi thương mại	52.409.444 (152.430.000)	155.011.199 (1.767.700)
Site Preparation Management Co., Ltd.	Công ty cùng tập đoàn Phải trả phi thương mại	(5.583.879.111)	(2.320.000.000)
Atlas CSF SDN. BHD	Công ty cùng tập đoàn Phải trả phi thương mại	(3.850.951.111)	(1 600.000.000)

Các khoản phải thu/(phải trả) với các bên liên quan là không được đảm bảo và không chịu lãi.

  
**PHAN THỊ KIM ANH**  
 Người lập

  
**PHAN THỊ KIM ANH**  
 Kế toán trưởng

  
**NGUYỄN HỮU DŨNG**  
 Tổng Giám đốc  
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 5 năm 2015